CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Dự thảo**

**QCVN : 2022/BTC**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI HÓA CHẤT**

**KHỬ KHUẨN NƯỚC DÙNG TRONG DỰ TRỮ QUỐC GIA**

***National technical regulation on water disinfectants for state reserve***

**HÀ NỘI - 2022**

**Mục lục**

[Lời nói đầu 4](#_Toc112077119)

[1. QUY ĐỊNH CHUNG 5](#_Toc112077120)

[1.1. Phạm vi điều chỉnh 5](#_Toc112077121)

[1.2. Đối tượng áp dụng 5](#_Toc112077122)

[1.3. Giải thích từ ngữ 5](#_Toc112077123)

[1.4. Tài liệu viện dẫn 5](#_Toc112077124)

[2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT 5](#_Toc112077125)

[3. PHƯƠNG PHÁP THỬ 9](#_Toc112077126)

[4. QUY ĐỊNH VỀ GIAO NHẬN VÀ BẢO QUẢN 9](#_Toc112077127)

[4.1. Vận chuyển 9](#_Toc112077128)

[4.2. Vật tư, trang thiết bị, dụng cụ 10](#_Toc112077129)

[4.3. Quy trình nhập kho 10](#_Toc112077130)

[4.4. Bảo quản Hoá chất khử khuẩn nước trong quá trình lưu kho dự trữ quốc gia 11](#_Toc112077131)

[4.5. Quy trình xuất hàng 12](#_Toc112077132)

[5. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ 13](#_Toc112077133)

[5.1. Yêu cầu về nhà kho theo GSP 13](#_Toc112077134)

[5.2. Quy định về quản lý chất lượng Hoá chất khử khuẩn nước dùng trong dự trữ quốc gia 13](#_Toc112077135)

[- Hoá chất khử khuẩn nước nhập kho dự trữ quốc gia phải đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại Mục 2 của Quy chuẩn này; 13](#_Toc112077136)

[5.3. Quy định về ghi chép sổ sách theo dõi hàng hóa 13](#_Toc112077137)

[5.4. Quy định về nhập, xuất, luân phiên đổi hàng 14](#_Toc112077138)

[5.5. Quy định về thời gian lưu kho 14](#_Toc112077139)

[5.6. Quy định về công tác theo dõi, thống kê, báo cáo 14](#_Toc112077140)

[5.7. Phòng chống cháy nổ 14](#_Toc112077141)

[5.8. An toàn lao động 15](#_Toc112077142)

[5.9. Một số quy định khác 15](#_Toc112077143)

[6. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN 15](#_Toc112077144)

[7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 15](#_Toc112077145)

# Lời nói đầu

|  |
| --- |
| QCVN : 2022/BTC do Bộ Y tế biên soạn, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Tổng cục Dự trữ Nhà nước trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số …/2022/TT-BTC ngày …tháng…năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI HÓA CHẤT**

**KHỬ KHUẨN NƯỚC DÙNG TRONG DỰ TRỮ QUỐC GIA**

***National technical regulation on water disinfectants for state reserve***

# QUY ĐỊNH CHUNG

## 1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, giao nhận (nhập, xuất), bảo quản và công tác quản lý đối với Hoá chất khử khuẩn nước dùng trong dự trữ quốc gia.

## 1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các đơn vị dự trữ quốc gia, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động giao nhận (nhập, xuất), bảo quản, phân phối, xử lý hóa chất hết hạn, thải bỏ và quản lý hoá chất khử khuẩn nước dùng trong dự trữ quốc gia.

## 1.3. Giải thích từ ngữ

Hoá chất khử khuẩn nước dùng trong dự trữ quốc gia là sản phẩm có chứa hoạt chất diệt khuẩn được sử dụng trực tiếp để diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

## 1.4. Tài liệu viện dẫn

- Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

- QCVN 01-1:2018/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

- TCCS 01:2018/BYT: Cloramin B dự trữ quốc gia;

- TCCS 02:2018/BYT: Viên sát khuẩn nước dự trữ quốc gia.

# 2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

Hoá chất khử khuẩn nước dùng trong dự trữ quốc gia phải có chất lượng đáp ứng yêu cầu sau:

1. **Sản phẩm chứa hoạt chất Natri dichloroisocyanurate (NaDCC)**
	1. **Sản phẩm dạng viên:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên chỉ tiêu/đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Yêu cầu/Ngưỡng giới hạn cho phép |
|  | Trạng thái | - | Dạng viên |
|  | Màu sắc | - | Trắng hoặc trắng ngà |
|  | Hàm lượng clo hoạt tính | % | 25 - 39 |
|  | Độ ẩm (sấy ở 127 oC, 1,5 giờ) | % | ≤ 10,0 |
|  | Hàm lượng Natri | % | 4,0 – 6,5 |
|  | Hàm lượng Pb | % | ≤ 0,01 |
|  | Hàm lượng As | % | ≤ 0,01 |
|  | Độ tan trong nước  |  | Tan hoàn toàn trong nước |
|  | Độ pH |  | 6,0 – 8,5 (dung dịch pH 1%) |
|  | Thời gian sản xuất | Hàng mới 100%. Thời gian sản xuất cho đến lúc nhập kho dự trữ quốc gia không quá 1 năm. |
|  | Hạn sử dụng | ≥ 05 năm kể từ ngày sản xuất và ≥ 04 năm kể từ ngày giao hàng. |
|  | Yêu cầu về giấy phép lưu hành, tiêu chuẩn | Sản phẩm có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam được Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế cấp còn hiệu lực. |
|  | Yêu cầu chung  | Quản lý và lưu hành theo quy định tại Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế. |
|  | Yêu cầu về chỉ tiêu vi sinh trong nước sau khi khử khuẩn bằng NaDCC  | Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt  |

**1.2. Sản phẩm nguyên liệu dạng bột**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên chỉ tiêu/đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Yêu cầu/Ngưỡng giới hạn cho phép |
|  | Trạng thái | - | Dạng bột |
|  | Màu sắc | - | Trắng hoặc trắng ngà |
|  | Hàm lượng clo hoạt tính | % | 55 – 64,5 |
|  | Độ ẩm (sấy ở 127 oC, 1,5 giờ) | % | Dạng khan: ≤ 3,0Dạng dihydrat: 11,0 – 14,0 |
|  | Hàm lượng Natri | % | 8,0 – 11,5 |
|  | Hàm lượng Pb | % | ≤ 0,01 |
|  | Hàm lượng As | % | ≤ 0,01 |
|  | Độ tan trong nước  |  | Tan hoàn toàn trong nước |
|  | Độ pH |  | 6,0 – 7,0Dung dịch pH 1%  |
|  | Thời gian sản xuất | Hàng mới 100%. Thời gian sản xuất cho đến lúc nhập kho dự trữ quốc gia không quá 1 năm. |
|  | Hạn sử dụng | ≥ 05 năm kể từ ngày sản xuất và ≥ 04 năm kể từ ngày giao hàng. |
|  | Yêu cầu về giấy phép lưu hành, tiêu chuẩn | Sản phẩm có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam được Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế cấp còn hiệu lực. |
|  | Yêu cầu chung  | Quản lý và lưu hành theo quy định tại Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế. |
|  | Yêu cầu về chỉ tiêu vi sinh trong nước sau khi khử khuẩn bằng NaDCC  | Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt  |

1. **Sản phẩm chứa hoạt chất Natri benzenesulfochloramine (Cloramin B)**

**2.1. Sản phẩm dạng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên chỉ tiêu/đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Yêu cầu/Ngưỡng giới hạn cho phép |
|  | Trạng thái | - | Dạng viên |
|  | Màu sắc | - | Trắng  |
|  | Hàm lượng clo hoạt tính | % | 8,0 – 29,5 |
|  | Hàm lượng Natri | % | 2,5 – 11 |
|  | Hàm lượng Pb | % | ≤ 0,01 |
|  | Hàm lượng As | % | ≤ 0,01 |
|  | Độ tan trong nước  | - | Tan hoàn toàn trong nước |
|  | Thời gian sản xuất | - Hàng mới 100%. Thời gian sản xuất cho đến lúc nhập kho dự trữ quốc gia không quá 1 năm. |
|  | Hạn sử dụng | ≥05 năm kể từ ngày sản xuất và ≥ 04 năm kể từ ngày giao hàng. |
|  | Yêu cầu về giấy phép lưu hành, tiêu chuẩn | Sản phẩm có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam được Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế cấp còn hiệu lực. |
|  | Yêu cầu chung  | Quản lý và lưu hành theo quy định tại Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế. |
|  | Chất lượng nước sau khi sử dụng Cloramin B khử khuẩn | Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt |

* 1. **Sản phẩm nguyên liệu dạng bột**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên chỉ tiêu/đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Yêu cầu/Ngưỡng giới hạn cho phép |
|  | Trạng thái | - | Dạng bột |
|  | Màu sắc | - | Trắng  |
|  | Hàm lượng clo hoạt tính | % | 25,0 – 29,5 |
|  | Hàm lượng Natri | % | 9,5 – 12 |
|  | Hàm lượng Pb | % | ≤ 0,01 |
|  | Hàm lượng As | % | ≤ 0,01 |
|  | Độ tan trong nước  | - | Tan hoàn toàn trong nước |
|  | Thời gian sản xuất | - Hàng mới 100%. Thời gian sản xuất cho đến lúc nhập kho dự trữ quốc gia không quá 1 năm. |
|  | Hạn sử dụng | ≥05 năm kể từ ngày sản xuất và ≥ 04 năm kể từ ngày giao hàng. |
|  | Yêu cầu về giấy phép lưu hành, tiêu chuẩn | Sản phẩm có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam được Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế cấp còn hiệu lực. |
|  | Yêu cầu chung  | Quản lý và lưu hành theo quy định tại Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế. |
|  | Chất lượng nước sau khi sử dụng Cloramin B khử khuẩn | Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt |

# 3. PHƯƠNG PHÁP THỬ

**3.1. Lấy mẫu**

Lấy mẫu để xác định các chỉ tiêu chất lượng của Hoá chất khử khuẩn nước dùng trong dự trữ quốc gia được thực hiện theo phương pháp thử nghiệm chuẩn về lấy mẫu và phân tích hóa học của chất tẩy rửa có chứa clo (ASTM D2022 − 89 (Reapproved 2016) Standard Test Methods of Sampling and Chemical Analysis of Chlorine-Containing Bleaches).

**3.2. Phương pháp thử các chỉ tiêu Hóa học**

3.2.1. Xác định hàm lượng clo hoạt tính theo hương pháp thử nghiệm chuẩn về lấy mẫu và phân tích hóa học của chất tẩy rửa có chứa clo (ASTM D2022 − 89 (Reapproved 2016).

3.2.2. Xác định hàm lượng độ ẩm theo TCVN 8900-2:2012 về Phụ gia thực phẩm - Xác định các thành phần vô cơ - Phần 2: Hao hụt khối lượng khi sấy, hàm lượng tro, chất không tan trong nước và chất không tan trong axit.

3.2.3. Xác định hàm lượng Chì (Pb) theo TCVN 8900-8:2012, Phụ gia thực phẩm - Xác định các thành phần vô cơ - Phần 8: Định lượng chì và cadimi bằng đo phổ hấp thụ nguyên tử dùng lò graphit.

3.2.4. Xác định hàm lượng Asen (As) theo TCVN 8900-9:2012, Phụ gia thực phẩm - Xác định các thành phần vô cơ - Phần 9: Định lượng asen và antimon bằng đo phổ hấp thụ nguyên tử hydrua hóa.

3.2.5. Xác định hàm lượng Natri theo TCVN 9588:2013 (ISO 27085:2009) về Thức ăn chăn nuôi - Xác định canxi, natri, phospho, magiê, kali, sắt, kẽm, đồng, mangan, coban, molypden, asen, chì và cadimi bằng phương pháp đo phổ phát xạ nguyên tử plasma cảm ứng cao tần (ICP-AES).

# 4. QUY ĐỊNH VỀ GIAO NHẬN VÀ BẢO QUẢN

## 4.1. Vận chuyển

Theo quy định tại Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế.

## 4.2. Vật tư, trang thiết bị, dụng cụ

Đơn vị được giao nhiệm vụ dự trữ quốc gia về hoá chất khử khuẩn nước có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ, phương tiện phục vụ cho quá trình nhập, xuất và bảo quản hoá chất khử khuẩn nước dùng trong dự trữ quốc gia, gồm:

4.2.1. Thiết bị, dụng cụ phục vụ bốc xếp hàng hóa, kiểm tra khối lượng khi nhập, xuất kho: xe nâng, xe đẩy, cân (cân phải có giấy kiểm định còn hiệu lực).

4.2.2. Vật tư, dụng cụ để vệ sinh kho: vôi bột, chổi, cây lau nhà, giẻ lau.

4.2.3. Phương tiện bảo vệ cá nhân: Quần áo, đèn pin, áo mưa, giày, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang, kính.

4.2.4. Thiết bị vật tư dùng cho bảo quản: Quạt thông gió, kệ kê hàng (pallet) bằng nhựa/gỗ/sắt/vật liệu tổng hợp; bạt chống bão, xô nhựa hứng nước, thùng carton, băng dính.

4.2.5. Dụng cụ phòng chống thiên tai, cháy nổ: Thang, bạt, dây thép, thừng, cột chống, bình cứu hỏa.

4.2.6. Tủ hoá chất và các vật tư y tế cần thiết để xử lý sơ, cấp cứu khi có tai nạn xảy ra.

4.2.7. Xà phòng, chế phẩm vệ sinh tay, chân để người lao động tắm rửa, vệ sinh cá nhân sau khi tiếp xúc với hoá chất khử khuẩn nước dùng trong dự trữ quốc gia

## 4.3. Quy trình nhập kho

**4.3.1. Chuẩn bị kho**

Trước khi đưa hoá chất khử khuẩn nước dùng trong dự trữ quốc gia nhập kho phải tiến hành các công việc sau:

Vệ sinh kho: quét dọn trong và ngoài kho, đảm bảo sạch sẽ, khô ráo;

Kê kệ: Dùng kệ (pallet) kê dưới nền kho để xếp hàng;

**4.3.2. Nhập hoá chất khử khuẩn nước dùng trong dự trữ quốc gia vào kho**

4.3.2.1. Hồ sơ, tài liệu nhập kho

- Hóa đơn bán hàng của nhà cung ứng;

- Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành tại Việt Nam do Cục Quản lý môi trường y tế - Bộ Y tế cấp.

- Phiếu nhập kho dự trữ quốc gia

- Hồ sơ nhập khẩu có liên quan đối với trường hợp mua hàng nhập khẩu.

- Phiếu an toàn hóa chất của chế phẩm kèm theo.

- Phiếu kiểm tra chất lượng của nhà sản xuất;

 4.3.2.2. Kiểm tra hàng hóa nhập kho

Hàng nhập kho phải đúng chủng loại, số lượng, quy cách đóng gói, đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

4.3.2.3. Kiểm đếm, bốc xếp

Bốc xếp hàng qua cân hoặc kiểm đếm, chuyển hàng vào kho, xếp hàng trên kệ đã được kê theo quy định, đúng theo chỉ dẫn trên bao bì.

**4.3.3. Kê xếp hoá chất trong kho**

- Hàng trong kho được sắp xếp thuận tiện cho việc áp dụng nguyên tắc hàng vào trước xuất trước, tránh tình trạng hàng cũ tồn kho.

- Đảm bảo tách riêng các hoá chất khử khuẩn nước có khả năng gây ra phản ứng hóa học với nhau.

- Khi xếp hoá chất phải xếp từng lớp từ dưới lên đảm bảo lô hoá chất luôn luôn ổn định. Không được xếp các lô hàng nặng quá tải trọng của nền kho. Lô hàng không được xếp sát trần kho và không cao quá 2m.

## 4.4. Bảo quản Hoá chất khử khuẩn nước trong quá trình lưu kho dự trữ quốc gia

**4.4.1. Đảo hàng**

- Định kỳ mỗi quý một lần. Khi đảo hàng chuyển 50% lượng hàng sang vị trí khoảng kho trống hoặc các giá kê có đủ khoảng trống; quét dọn, vệ sinh sạch sẽ khu vực chứa hàng; sau đó lần lượt chuyển hàng sang kệ bên cạnh và cuối cùng chuyển 50% lượng hàng đảo chuyển ban đầu vào vị trí. Đảm bảo 100% hàng được đảo: từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong.

- Yêu cầu khi đảo hàng: Đảm bảo hàng được đảo đều, hàng để trên chuyển xuống dưới. Kết hợp kiểm tra tình trạng bao bì, phát hiện và báo cáo các điểm không phù hợp.

**4.4.2. Quy định về bảo quản**

4.4.2.1. Phương pháp bảo quản:

- Hóa chất, chế phải được bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

- Không để chung chế phẩm với thực phẩm và các hóa chất khác.

- Phân cách với nguồn sinh nhiệt.

- Nhiệt độ bảo quản: tuân thủ theo khuyến cáo của nhà sản xuất ghi trên bao bì chế phẩm.

- Tuân thủ các quy định Bảo quản chế phẩm theo quy định của nhà sản xuất trên nhãn, bao bì chế phẩm.

4.4.2.2. Kiểm tra điều kiện bảo quản thường xuyên

- Kiểm tra hàng ngày: Nhân viên kho có trách nhiệm kiểm tra tình trạng kho hàng; nếu có bất thường cần chủ động có biện pháp xử lý kịp thời hoặc báo cáo lên cấp trên.

- Kiểm tra hàng tuần (cuối tuần): Cuối tuần nhân viên kho cần đảm bảo việc kiểm tra hàng hóa, vật tư, … trong kho đảm bảo đủ về mặt số lượng, cảm quan (nhãn mác, bao bì). Kết quả kiểm tra, các phát hiện, báo cáo về số lượng, cảm quan hàng hóa và điều kiện bảo quản phải được lập và lưu vào hồ sơ.

- Kiểm tra hàng tháng (cuối tháng): Cuối tháng kiểm tra tình trạng kho hàng, hàng hóa (ẩm, mốc, nhãn mác, bao bì của từng loại hàng hóa). Kết quả kiểm tra, các phát hiện, báo cáo về số lượng, cảm quan hàng hóa và điều kiện bảo quản phải được lập và lưu vào hồ sơ.

- Kiểm tra hàng quý (cuối quý): Ba tháng một lần kiểm tra và đảo hàng theo mục 4.4.2. Kết hợp kiểm tra tình trạng nhãn mác, bao bì. Kết quả kiểm tra, các phát hiện, báo cáo về số lượng, cảm quan hàng hóa và điều kiện bảo quản phải được lập và lưu vào hồ sơ.

- Kiểm tra hàng năm (cuối năm): Cuối năm kiểm tra số lượng, nhãn mác, bao bì, hạn sử dụng của từng loại hàng hóa và tình trạng kho hàng.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện phòng chống cháy nổ và lụt bão (đặc biệt chú ý mùa nóng, trước mùa mưa bão và trước, sau mỗi đợt mưa bão).

- Kiểm tra chất lượng hàng hóa: Lấy mẫu kiểm tra chất lượng hàng hóa đối với mỗi lô hoá chất trước khi xuất kho.

4.4.2.3. Kiểm tra điều kiện bảo quản đột xuất

Kiểm tra khi có nghi ngờ, có thiên tai hoặc theo chỉ đạo của thủ trưởng đơn vị dự trữ quốc gia hoặc cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Kết quả kiểm tra được ghi vào sổ theo dõi công tác bảo quản (hoặc lập biên bản theo yêu cầu).

## 4.5. Quy trình xuất hàng

**4.5.1. Thủ tục xuất hàng**

- Khi có quyết định xuất hàng, thủ kho phải chuẩn bị đủ sổ sách, hồ sơ, chứng từ của lô hàng;

- Trước khi xuất hàng phải kiểm tra tên, chủng loại, số lượng, chất lượng, mẫu mã, quy cách hàng hóa, số lô, hạn sử dụng hàng hóa và hồ sơ, tài liệu có liên quan.

- Xuất hàng theo nguyên tắc: hàng nhập trước xuất trước, hàng nhập sau xuất sau. Trong một lô xuất theo thứ tự từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong, xuất gọn từng lô hàng.

- Xuất đúng số lượng, đúng chủng loại.

- Chuẩn bị các phương tiện, thiết bị phục vụ xuất hàng dự trữ quốc gia: các phương tiện, thiết bị để chuyển hàng khi xuất kho. Thiết bị cân, đo lường phải được chuẩn bị đầy đủ và được kiểm định để đảm bảo hoạt động chính xác.

- Khi xuất hàng xong phải hoàn chỉnh các thủ tục, chứng từ giao nhận theo đúng quy định

**4.5.2. Công tác triển khai thực hiện**

 Khi có lệnh xuất hàng, đơn vị dự trữ phải tổ chức triển khai thực hiện kịp thời.

**4.5.3. Công tác kiểm tra**

Kiểm tra danh mục, quy cách, số lượng, chủng loại, chất lượng hàng hóa, phiếu kiểm tra chất lượng, hồ sơ, tài liệu liên quan.

**4.5.4. Công tác kiểm đếm, bốc xếp**

- Hạ thùng hoá chất từ kệ nhẹ nhàng, cẩn thận, tránh đổ vỡ

- Bốc xếp qua cân, kiểm đếm để kiểm tra khối lượng hàng hóa.

 - Vận chuyển hàng ra cửa kho.

 - Bốc hàng lên phương tiện vận chuyển, xếp hàng cẩn thận, ngay ngắn, đúng chỉ dẫn trên bao bì, đúng số lượng thùng/cây và đủ khối lượng theo quy định của từng loại phương tiện.

**4.5.5. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát xuất hàng**

Thủ trưởng đơn vị bảo quản và cán bộ được giao nhiệm vụ phải chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình xuất hàng nhằm đảm bảo việc xuất hàng thực hiện kịp thời, đúng quy định.

**4.5.6. Vệ sinh kho sau khi xuất hàng**

Sau khi xuất hết hàng, thu gọn các vật liệu kê lót, dụng cụ và quét dọn vệ sinh kho sạch sẽ nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường.

**4.5.7. Thực hiện việc hoàn tất thủ tục hồ sơ với bên nhận hàng (nếu có)**

# 5. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

## 5.1. Yêu cầu về nhà kho theo GSP

Kho lưu giữ bảo quản hoá chất khử khuẩn nước dùng trong dự trữ quốc gia là phải đáp ứng yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị tại Phụ lục III Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 quy định về thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc

## 5.2. Quy định về quản lý chất lượng Hoá chất khử khuẩn nước dùng trong dự trữ quốc gia

## - Hoá chất khử khuẩn nước nhập kho dự trữ quốc gia phải đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại Mục 2 của Quy chuẩn này;

- Trước khi nhập kho, đơn vị dự trữ quốc gia phối hợp với tổ chức đã thực hiện việc công bố đủ điều kiện kiểm nghiệm đối với hoạt chất trong chế phẩm lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng hoá chất khử khuẩn nước theo quy định;

Khi nhập kho, phải có Phiếu kiểm tra chất lượng của tổ chức thử nghiệm trên cho từng lô hàng, chứng nhận lô hàng đạt chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại hoá chất.

## 5.3. Quy định về ghi chép sổ sách theo dõi hàng hóa

**5.3.1. Thẻ lô hàng**

Mỗi lô hàng đều được lập thẻ lô hàng và tối thiểu phải có các nội dung sau:

- Địa điểm bảo quản: Tên kho, ngăn kho, loại kho bảo quản;

- Chủng loại hoá chất, quy cách đóng gói, số lô, hạn sử dụng;

- Khối lượng (số lượng) hoá chất bảo quản.

- Thời gian nhập: + Bắt đầu nhập:

 + Ngày kết thúc nhập:

- Phương thức bảo quản:

- Tên thủ kho bảo quản:

**5.3.2. Sổ theo dõi công tác bảo quản**

 - Sổ bảo quản dùng để ghi rõ từng nội dung công việc, kết quả theo quy trình bảo quản; số lượng, chất lượng hàng trong kho, các diễn biến chất lượng trong quá trình bảo quản; tình hình quản lý kho, tài sản, dụng cụ.

 - Sau mỗi đợt kiểm tra, người kiểm tra phải ghi rõ nhận xét, đánh giá, nêu rõ thời gian hoàn thành các yêu cầu công việc, đề nghị biện pháp xử lý (nếu có); ghi rõ chức danh, họ và tên, chữ ký của người kiểm tra.

## 5.4. Quy định về nhập, xuất, luân phiên đổi hàng

- Việc nhập, xuất luân phiên đổi hàng được thực hiện theo chỉ tiêu kế hoạch được Bộ Y tế giao.

Trường hợp chủ động xuất luân chuyển để đảm bảo chất lượng hàng dự trữ quốc gia, phải đảm bảo nhập trước hàng mới cùng số lượng, chủng loại với hàng xuất ra;

Trường hợp luân chuyển khó khăn, đơn vị trực tiếp bảo quản hoá chất khử khuẩn nước phải kịp thời báo cáo Bộ Y tế và Vụ Kế hoạch – Tài chính trước khi hoá chất hết hạn ít nhất là 6 tháng.

- Khi nhập kho, xuất kho, các đơn vị dự trữ quốc gia và tổ chức có liên quan thực hiện cân nhận, kiểm đếm để xác định chính xác số lượng hàng hóa nhập kho, xuất kho theo đơn vị đo lường đủ quy định.

## 5.5. Quy định về thời gian lưu kho

Thời gian lưu kho đến 03 tháng trước khi hóa chất hết hạn sử dụng.

Đáp ứng quy định về luân chuyển hàng theo quy định luân chuyển hàng dự trữ quốc gia

## 5.6. Quy định về công tác theo dõi, thống kê, báo cáo

- Khi có phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến công tác nhập, bảo quản, xuất hàng dự trữ quốc gia hoá chất khử khuẩn nước phải thực hiện việc hạch toán đầy đủ, cụ thể, chi tiết.

- Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định tại Thông tư số 130/2014/TT-BTC ngày 09/9/2014 quy định về quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia.

## 5.7. Phòng chống cháy nổ

Thủ trưởng đơn vị Dự trữ quốc gia có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật, bảo đảm hàng hóa và kho Dự trữ quốc gia an toàn.

## 5.8. An toàn lao động

- Thủ kho bảo quản và những người thực hiện bốc xếp hàng hóa được trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động quy định tại Điểm 4.2.3.

- Chấp hành đầy đủ các biện pháp an toàn lao động trong quá trình nhập, xuất và bảo quản hoá chất khử khuẩn nước.

## 5.9. Một số quy định khác

- Hoá chất khử khuẩn nước dùng trong dự trữ quốc gia khi nhập kho dự trữ phải được mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

# 6. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

**6.1.**  Các tổ chức, cá nhân cung cấp hoá chất khử khuẩn nước dùng trong dự trữ quốc gia có trách nhiệm cung cấp hoá chất khử khuẩn nước có chất lượng phù hợp với quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này.

**6.2.**  Thủ trưởng đơn vị dự trữ quốc gia có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác quản lý, giao nhận (xuất, nhập) và bảo quản hoá chất khử khuẩn nước theo đúng quy định tại mục 4 và mục 5 của Quy chuẩn này.

# 7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**7.1.** Cơ quan quản lý chuyên trách (Tổng cục Dự trữ nhà nước) có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chuẩn này.

**7.2.**  Bộ, ngành được Chính phủ phân công quản lý hoá chất khử khuẩn nước có trách nhiệm:

Căn cứ các quy định tại Quy chuẩn này để hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo việc thực hiện công tác nhập, bảo quản và xuất hàng theo quy định.

**7.3.** Trong trường hợp các tiêu chuẩn, hướng dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới